TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP

CÔNG TY NHẬP KHẨU VÀ PHÂN PHỐI THAN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ

BẢN TIN THAN NGÀY

Ngày 15/3/2019

CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Theo chuyến	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	91,10	+1,60	N/A	N/A
FOB Richards Bay 5.500 NAR	59,00	+1,50	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	71,75	+0,00
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	56,25	+0,00
FOB Kalimantan 4.200 GAR	37.90	+0.25	N/A	N/A
FOB Kalimantan 3.800 GAR	29.40	+0.15	N/A	N/A

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	47,25	-0,25	315,84	-2,29
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	63,75	+0,00	426,13	-0,84
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	67,50	+1,50	451,19	-10,94

GIÁ THEO CHUYẾN CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2019

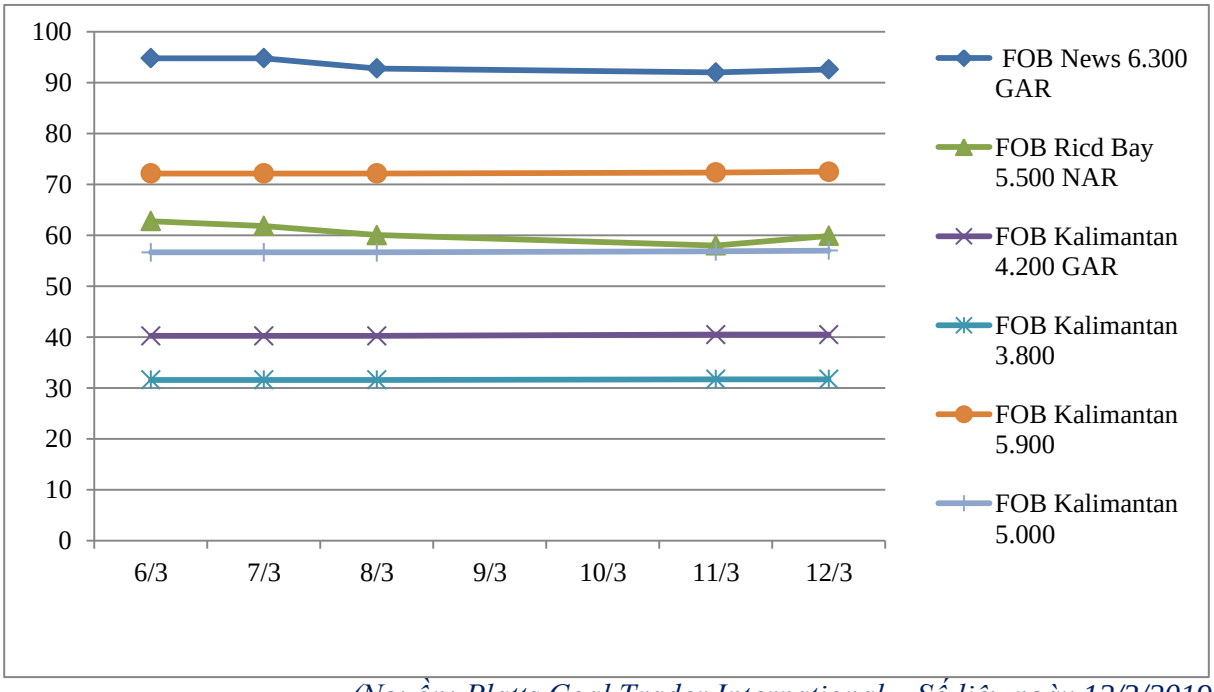

(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 12/3/2019)

ĐIỂM TIN

Khối lượng than Indian Railways vận chuyển trong giai đoạn 4/2018-2/2019 tăng 9% so với cùng kỳ năm trước

Indian Railways đã vận chuyển 545,23 triệu tấn than trong giai đoạn tháng 4/2018 đến 2/2019, tăng 9% so với cùng kỳ năm ngoái, theo số liệu của Tổng Cục Thống kê và Kinh tế. Trong đó, 93,22 triệu tấn là than nhập khẩu, tăng 11% so với năm trước, than nội địa tăng gần 9%. Khối lượng than nội địa vận chuyển tới các công ty điện lực đạt 212,34 triệu tấn, tăng 4,8%, trong khi lượng than nhập khẩu đạt 19,48 triệu tấn, tăng khoảng 22% so với năm trước. Than nội địa vận chuyển tới các nhà máy luyện thép giảm 9,4% xuống còn 13,25 triệu tấn, lượng than nhập khẩu cung cấp cho các nhà máy này đạt 40,04 triệu tấn, tăng 10% so với năm trước.

Lượng than nội địa vận chuyển tới các hộ tiêu thụ khác tăng 14,5% lên mức 226,34 triệu tấn trong giai đoạn 11 tháng qua, than nhập khẩu cung cấp cho các hộ tiêu thụ khác tăng 6% và đạt 33,70 triệu tấn. Trên cơ sở tháng, doanh nghiệp này đã vận chuyển khoảng 50,38 triệu tấn than trong tháng 2, tăng 7,5% so với cùng kỳ năm trước. Vận chuyển than chiếm khoảng 50% tổng lượng hàng vận chuyển của Indian Railways.

Kospo của Hàn Quốc tìm mua 80.000 tấn than trong tháng 3

Korea Southern Power (Kospo), vừa công bố HSMT trong thứ 4 (6/3), tìm mua một chuyến hàng 80.000 tấn, than nhiệt trị thấp, xếp dỡ trong tháng 3, vận chuyển cho nhà máy Samcheok. Trong gói thầu KOSPO-Coal-2019-SC-EST03, công ty tìm mua một chuyến hàng 80.000 tấn trên tàu Panamax với nhiệt trị tối thiểu 3.700 kcal/kg NAR, độ ẩm tối đa 43%, hàm lượng chất bốc 16%-45%, độ tro tối đa 4,5%, hàm lượng lưu huỳnh 0,35%. Các thư chào hàng trên cơ sở giá cố định, và trên điều kiện giao hàng FOBT. Gói thầu kết thúc vào ngày 7/3.

Sojitz (Nhật Bản) bán cổ phần tại các mỏ than Indonesia

Sojitz Coporation đã bán toàn bộ cổ phần tại công ty PT Bara Alam Utama trong chiến lược rút đầu tư khỏi lĩnh vực than nhiệt, thông tin từ báo cáo đưa ra trong thứ 2 (11/3). Theo một thông cáo trên website, Sojitz đã bán 30% cổ phần cho một đối tác là công ty liên danh. Đại diện công ty cho biết: "Chiến lược bán cổ phần sẽ đẩy mạnh quá trình rút vốn đầu tư khỏi lĩnh vực than nhiệt, từ đó giúp công ty tiếp tục cân bằng lại các hạng mục đầu tư liên quan đến ngành than trước mối lo ngại toàn cầu về môi trường kinh doanh và sự ổn định trong dài hạn". Công ty cho biết họ sẽ tiếp tục hoạt động theo hình thức công ty đại điện kinh doanh của PT Bara Alam Utama tại Nhật Bản, và tiếp tục cung cấp nguồn than ổn định cho thị trường nước nhà.

(Nguồn: www.spglobal.com)

CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Đơn vị: USD/tấn

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Thay đổi
Capesize	Australia	Trung Quốc	6,45	+0,40
(150.000 tấn)	Queensland	Nhật Bản	7,10	+0,45
	New South Wales	Hàn Quốc	7,95	+0,45
Panamax	Richards Bay	Tây Ấn Độ	11,15	-0,20
(70.000 tấn)	Kalimantan	Tây Ấn Độ	7,70	-0,10
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	11,20	-0,20
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	6,40	-0,05
	Australia	Trung Quốc	10,50	-0,25
	Australia	Ấn Độ	11,75	-0,45

(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 12/03/2019)